

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP Ô TÔ - VINACOMIN**
Năm báo cáo: 2018

I/ Thông tin chung:

1/ Thông tin khái quát

+/ Tên Công ty:

Công ty cổ phần Công nghiệp Ô tô -VINACOMIN

+/ Tên giao dịch quốc tế:

VINACOMIN-MOTOR INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

+/ Tên viết tắt

: VMIC

+/ Mã chứng khoán

: VMA

Logo



+/ Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh: số 5700353722 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ninh cấp lần 5 ngày 05 tháng 7 năm 2012.

+/ Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

+ Điện thoại : (84.33) 3865 286 Fax: (84.33) 3862 398

+ Website : www.vmicauto.vn Email : vmicauto@yahoo.com.vn

+ Vốn điều lệ : 27.000.000.000 (Hai mươi bảy tỷ) đồng

2. Quá trình hình thành phát triển

- Việc thành lập: Công ty thành lập ngày 01 tháng 08 năm 1960

- Chuyển đổi sở hữu: Công ty Nhà nước sang Công ty cổ phần ngày 22 tháng 01 năm 2008.

- Niêm yết: Công ty niêm yết trên sàn UPCOM

3. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Sản xuất, lắp ráp xe ô tô vận tải, xe ô tô chuyên dùng, xe ô tô du lịch.

+ Sửa chữa, cải hoán, bảo hành, bảo dưỡng xe ô tô các loại, xe máy thi công, thiết bị mỏ, thiết bị năng lượng, thiết bị khoáng sản.

+ Chế tạo thiết bị, chế tạo, phục hồi vật tư phụ tùng.

+ Sản xuất các loại sản phẩm kết cấu cơ khí.

+ Chế tạo, sửa chữa các thiết bị sàng tuyển.

+ Xây lắp các công trình công nghiệp, nông nghiệp, giao thông, thủy lợi, đường dây và trạm biến áp.

+ Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, phụ tùng hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

+ Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chuyên ngành ô tô.

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu trên tỉnh Quảng Ninh và các cả nước (khi có yêu cầu của khách hàng)

4. Thông tin mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị :

+ Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên.

+ Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên.

+ Ban Giám đốc điều hành: 01 Giám đốc Công ty điều hành chung, 01 Phó Giám đốc phụ trách sản xuất, an toàn, kỹ thuật, đời sống; 01 Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh kinh tế ; 01 Kế toán trưởng.

+ Các phân xưởng, phòng ban: 05 phòng; 05 phân xưởng, 01 chi nhánh

*** Các phòng ban Công ty:**

- | | |
|---|---|
| 1- Phòng Tổ chức hành chính và Y tế (viết tắt: TC-HC) | 4- Phòng Kế toán - Tài chính (viết tắt: KT-TC) |
| 2- Phòng Kế hoạch Vật tư (viết tắt: KH-VT) | 5- Phòng Cơ điện – An toàn (viết tắt: CD-AT) |
| 3- Phòng Kỹ thuật công nghệ (viết tắt: KT-CN) | |

*** Các Phân xưởng:**

- | | |
|-----------------------------------|----------------------------------|
| 1- Phân xưởng Sửa chữa Ô tô | 4- Phân xưởng Kết cấu |
| 2- Phân xưởng Động cơ và thủy lực | 5- Phân xưởng Cơ điện và phục vụ |
| 3- Phân xưởng Cơ khí | |
- Công ty có 01 chi nhánh tại Hà Nội (không có công ty con)

5. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của công ty:

- + Sửa chữa các loại xe tải nặng HD, CAT, VOLVO, HM, SCANIA, BELAZ...(55 đến >100 tấn);
- + Chế tạo, phục hồi các sản phẩm thiết bị phục vụ khai thác mỏ (khai thác Hàm lò và lộ thiên) ;
- + Lắp ráp các loại xe ô tô tải nặng, sản xuất chế tạo các loại xe chuyên dùng: Téc dầu, téc nước, thùng kín, thùng hở, xe cầu,
- + Liên doanh Chế tạo các sản phẩm, hệ thống vận tải phục vụ trong khai thác hầm lò, lộ thiên (mônôray, ống thủy lực mềm, barie, dàn chống siêu nhẹ, toa xe ...)
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Chiến lược phát triển của Công ty chủ yếu vẫn tập trung vào việc sửa chữa xe tải nặng đại xa siêu trường siêu trọng, các loại xe trung xa, chế tạo và phục hồi các sản phẩm cơ khí phục vụ cho các công ty khai thác Mỏ. Xây dựng thương hiệu của công ty về sửa chữa, chế tạo phục hồi thiết bị cho khai thác Mỏ lộ thiên và khai thác Hàm lò nhằm mục tiêu tăng năng suất, đảm bảo chất lượng và giá thành hiệu quả.
- Trong hoạt động thực hiện công tác môi trường được chú trọng theo quy định; Công tác xã hội và cộng đồng: Thường xuyên quan tâm tham gia đóng góp đầy đủ theo điều kiện của công ty phối hợp hỗ trợ lẫn nhau hài hoà giữa doanh nghiệp với địa phương.

II/ Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động SXKD

Năm 2018 hoạt động SXKD của Công ty tiếp tục có nhiều đổi mới, được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; Cụ thể:

+ Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm, thu nhập, đời sống cho người lao động được ổn định; SXKD đảm bảo hiệu quả; Các chỉ tiêu về Doanh thu, Lợi nhuận và Tiền lương của người lao động đều hoàn thành và vượt mức kế hoạch được giao.

+ Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

Hội đồng quản trị Công ty đã sâu sát chỉ đạo kịp thời, sự chủ động nhanh nhạy của bộ máy điều hành, với những cố gắng khắc phục khó khăn của tập thể CBCNV, trong năm Công ty đã phấn đấu thực hiện nhiệm vụ với những kết quả như sau:

*** Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018**

+ Tổng doanh thu đạt: 348,634 tỷ đồng, (Bằng 122% KH được giao đầu năm 2018 và bằng 113,9% so với KH điều chỉnh);

+ Hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 5,393/4,850 tỷ đồng, bằng 111 % kế hoạch được giao và bằng 107 % so với cùng kỳ năm 2017.

- Cổ tức 8% KH (trình ĐHCĐ thường niên 10%)

Trong năm các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu về doanh thu, lợi nhuận, thu nhập tiền lương bình quân của người lao động Công ty đều đạt và vượt kế hoạch năm

2. Tổ chức và nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Công ty có 01 Chi nhánh, 05 phân xưởng và 05 phòng .

+ **Tóm tắt lý lịch Ban điều hành** (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng)

* **Giám đốc Công ty:**

+ Họ tên: **Phạm Xuân Phi**

+ Giới tính: Nam

+ Ngày tháng năm sinh: 04/ 6/ 1969

+ Quốc tịch: Việt Nam.

+ Dân tộc: Kinh.

+ Quê quán: Nam Định

+ Trú quán: Phường hồng Hà, TP Hạ Long

+ Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí ô tô, Kỹ sư điện

Trình độ chính trị: Cao cấp.

+ Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomín.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 13.334 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

+ **Phó giám đốc: Lê Thanh Sơn**

Sinh ngày 15/10/1963 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Thụy xuân, Thái Thụy, Thái bình

Trú quán: Cẩm trung, Cẩm phả, Quảng ninh

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô

Trình độ chính trị: Cao cấp.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.295 cổ phần

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: không cổ phần.

+ **Phó giám đốc: Đỗ Hải Hùng**

Sinh ngày 15/8/1974 Giới tính: Nam

Quốc tịch: Việt Nam.

Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Xã Lý Thường Kiệt, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên
Trú quán: Tổ 9, khu Bạch Đằng, Phường Cẩm Thạch, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Ô tô
Trình độ chính trị: Cao cấp
Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1.842 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không.

+ Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Hồng Thịnh
Sinh ngày 14/12/1979 Giới tính: Nữ
Quốc tịch: Việt Nam.
Dân tộc: Kinh.

Quê quán: Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc
Trú quán: Tổ 6, khu 6, Cẩm Thành, Cẩm Phả, Quảng Ninh
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
Trình độ chính trị: Cao cấp
Số cổ phần đang nắm giữ:
Trong đó : Sở hữu cá nhân: 1619 cổ phần
Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: Không

***/ Những thay đổi chủ yếu trong năm 2018**

- Ngày 24/4/2018 đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

*** Bầu thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:**

1. Ông Phạm Xuân Phi Chủ tịch HĐQT
2. Ông Hà Minh Thanh Ủy viên HĐQT
3. Ông Nguyễn Anh Tuấn Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz.
4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch Ủy viên HĐQT, Đại diện Công ty Kamaz;
5. Ông Trần Văn Trung Ủy viên HĐQT – Công ty CP Tân đại tây dương (AIT)

*** Bầu thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, gồm các Ông:**

1. Bà Bùi Thị Lan Trưởng ban kiểm soát
2. Ông Hồ Anh Tuấn Ủy viên Ban kiểm soát
3. Ông Trần Thiết Hùng Ủy viên Ban kiểm soát

***/ Số lượng cán bộ nhân viên (thời điểm 31/12/2018):** 330 Người lao động chính thức (không tính LĐ hợp đồng mùa vụ, công việc)

3/ Tình hình thực hiện đầu tư:

3.12. Công tác Đầu tư XDCB

+ Trả nợ khối lượng năm trước: : 7.600,0 triệu đồng
+ Tổng giá trị kế hoạch ĐTXD năm 2018 (Điều chỉnh) : 28.492,0 triệu đồng

Trong đó:

- Công trình chuyển tiếp năm 2017 : 13.092,0 triệu đồng
- Kế hoạch thực hiện năm 2018 đã điều chỉnh: : 15.400,0 triệu đồng
- Chuẩn bị dự án : 285,0 triệu đồng

a/ Kết quả đầu tư và thanh toán, giải ngân khối lượng XDCB hoàn thành

+ Giá trị đầu tư dự kiến thực hiện năm 2018 là: 15.959,3 triệu đồng/36.377 triệu đồng.

a/ Quản lý năng lượng

+ Hệ thống thiết bị năng lượng và lưới điện của công ty hoạt động ổn định phục vụ kịp thời cho sản xuất, hệ số cosφ trung bình đạt: 0,92, điện năng tiêu thụ trung bình 130 000 kWh/tháng. Lượng nước sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt trung bình 710 m³/tháng. Tiết kiệm so với năm 2017 từ 3-5%

+ Sử dụng máy nén khí cục bộ phù hợp với nhu cầu của từng đơn vị chủ động, không ảnh hưởng đến hoạt động chung và có thể tiết giảm từng máy khi không cần thiết và tự ngắt khi không dùng hoặc đủ áp lực trên bình.

+ Hệ thống năng lượng của công ty luôn đáp ứng được yêu cầu cho sản xuất, mặc dù năm qua Công ty đã tăng sản xuất cơ khí thêm ca 2, ca 3, và năm 2018 chuyển nấu ăn bằng hơi nóng sang nấu điện do không có than nhưng mức tiêu thụ năng lượng điện trung bình chỉ tăng thêm 2%, tiêu thụ than giảm 80% và tiêu thụ nước giảm 15%.

b/ Quản lý thiết bị công nghệ

Thực hiện quy hoạch sắp xếp lại mặt bằng các công đoạn sản xuất tại phân xưởng Cơ khí, khu gia công chính xác CNC và phòng phân tích vật liệu kiểm tra chất lượng, khu nhiệt luyện thuộc phân xưởng Cơ khí; khu lắp điều chỉnh động cơ thuộc phân xưởng Động cơ & Thủy lực,... Đồng thời bố trí lắp đặt lại các thiết bị hợp lý, phù hợp theo yêu cầu quy hoạch lại.

- Phân loại, tháo dỡ các thiết bị cũ hỏng lạc hậu kỹ thuật không có nhu cầu sử dụng (đưa vào niêm cất chờ làm thủ tục thanh lý) để sửa chữa cải tạo mặt bằng nhà xưởng phục vụ sản xuất.

- Lĩnh vực quản lý các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được quản lý theo đúng quy định. Lập kế hoạch và thực hiện kiểm định an toàn định kỳ hàng năm, tổ chức kiểm tra xem xét sửa chữa thường xuyên đảm bảo thiết bị hoạt động tốt

- Về công tác sửa chữa thiết bị Công ty vẫn duy trì tổ chức sửa chữa máy móc thiết bị kịp thời không để ảnh hưởng lớn đến tiến độ sản xuất, đặc biệt là các thiết bị trọng yếu trong dây chuyền sản xuất.

- Công tác sửa chữa XDCB nhà xưởng được công ty quan tâm chú trọng, thực hiện sửa chữa chống dột mái nhà xưởng, gia cố hệ thống vì kèo, tôn tạo nền nhà xưởng sạch đẹp đảm bảo môi trường làm việc cho công nhân. cải tạo sửa chữa quy hoạch kho chứa than rền, nhà kho Phân xưởng Cơ khí, nhà tắm công nhân, khu sân thể thao, cải tạo quy hoạch lại khu sản xuất đúc, sửa chữa toàn bộ nền sân công nghiệp xung quanh nhà xưởng.

c/ Áp dụng tin học hóa, tự động hóa

Giai đoạn 2014-2018 Công ty đã đẩy mạnh việc áp dụng tin học và tự động hóa phục vụ quản lý và sản xuất. Cụ thể:

- Về tin học Công ty đã đưa vào sử dụng mạng LAN tại Công ty, các máy tính đều có kết nối Internet và ứng dụng các phần mềm quản lý văn bản điện tử (Portal VMIC), kế toán thống kê, quản lý vật tư, báo cáo Quản lý lao động, tiền lương, nhân sự, Bảo hiểm xã hội, kê khai báo hiểm, kê khai thuế , ADIS công bố, thông tin. Ủy ban chứng khoán, quản lý định vị xe ô tô và phần mềm kỹ thuật Test kiểm tra, cài đặt, sửa chữa các chủng loại xe ô tô HD, CAT, Vovol, Scania, kiểm tra xe lắp ráp mới trước khi xuất xưởng kiểm định.

- Về tự động hóa trong những năm qua Công ty đã đầu tư các thiết bị được trang bị hệ thống điều khiển tiên tiến, tự động hóa cao, công nghệ hiện đại vào phục vụ sản xuất nhằm tiết giảm chi phí nhân công, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao độ chính xác, chất lượng và tăng năng suất lao động như: Trung tâm khoan, ta ro CNC thế hệ mới, Máy quang phổ phân tích thành phần kim loại hiện đại, phần mềm phân tích tự động. Máy đo độ cứng ứng dụng công nghệ số. Thiết bị thử kim phun điện tử phục vụ cho công tác sửa chữa động cơ. Trung tâm gia công đứng CNC 4 trục với hệ điều hành tiên tiến và hệ thống thay dao tự động 24 trạm. Hệ thống Robot thay thế con người vận hành các máy công cụ CNC theo tiêu chuẩn công nghệ 4.0. Máy tiện CNC tích hợp một số tính năng gia công kết hợp để tăng cường năng lực sản xuất gia công các sản phẩm chính xác, thực hiện một số nguyên công trên một lần gá. Đồng thời sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư hệ thống tự động hóa dây chuyền sản xuất con lăn băng tải, nâng cấp dây chuyền bán tự động hiện nay thành dây chuyền tự động hoàn chỉnh liên hoàn từ công đoạn cắt ống đến công đoạn cuối.

Nói chung, công tác cơ điện cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của hoạt động SXKD, vận hành, sử dụng thiết bị và hệ thống năng lượng đảm bảo, không để xảy ra các sự cố hư hỏng lớn. Hệ thống thiết bị năng lượng và lưới điện của Công ty được tổ chức khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả.

4/ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của Chủ Sở hữu:

a/ Cổ phần: Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2018

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

- Tổng số cổ phiếu theo từng loại:

+ Số cổ phiếu đăng ký phát hành: 2 700 000
Trong đó: Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000
Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

Số cổ phiếu phổ thông: 2 700 000
Số cổ phiếu ưu đãi: -

- Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 2.160.000.000 đồng

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

| | Cuối năm | Đầu năm |
|---|-----------------|----------------|
| + Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam | 9.722.270.000 | 9.722.270.000 |
| + Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz) | 10.163.000.000 | 10.163.000.000 |
| + Vốn góp các cổ đông khác | 7.114.730.000 | 7.114.730.000 |
| Cộng | 27.000.000.000 | 27.000.000.000 |

b/ Cơ cấu cổ đông:

- Vốn đầu tư vốn chủ sở hữu:

| | Tỷ lệ |
|---|--------------|
| + Tập đoàn CN Than – Khoáng sản Việt Nam | 36,01 % |
| + Công ty Cổ phần kín (Cty ngoại thương Kamaz) | 37,64 % |
| + Vốn góp các cổ đông khác | 26,35 % |

Cộng

100 %

- Giao dịch thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu : Không có
- Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có
- Các chứng khoán khác : Không có

5/ Báo cáo tác động đến môi trường :

5.1. Quản lý nguồn nguyên liệu :

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm :

+ Tồn kho (nguyên vật liệu, công cụ) đầu kỳ 1/1/2018: 3.669 triệu đồng
+ Nhập trong kỳ: 314.659 triệu đồng
+ Xuất trong kỳ: 313.757 triệu đồng
+ Tồn cuối kỳ 31/12/2018: 4.571 triệu đồng

+ Tỷ lệ tồn kho cuối kỳ: Tổng số giá trị nguyên vật liệu xuất kho trong năm là: 313.757 triệu đồng, Giá trị nguyên vật liệu, công cụ tồn kho đến 31/12/2018 là: 4.571 triệu đồng ;

b. Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu tái chế được sử dụng để sản xuất và dịch vụ nhỏ vì công ty là đơn vị sửa chữa và chế tạo phục hồi, sau khi đánh giá định kỹ thuật bước II thống nhất với khách hàng xong vật tư cũ là khách hàng lập biên bản thu hồi trả hàng cũ ngay ; còn vật tư mới công ty có đơn hàng đến đầu mua dùng đúng đến đó không để tồn kho.

5.2. Tiêu thụ năng lượng :

a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp : Chủ yếu là Điện năng sử dụng là 1.691.397 Kw ; chi phí sử dụng năng lượng trong năm 2.843.238.230 đồng;

b. Năng lượng công ty tiết kiệm được :

Công ty ban hành nhiều quy định về sử dụng tiết kiệm điện, nếu cá nhân vi phạm xử lý;

6. Tiêu thụ nước hàng năm công ty sử dụng : 8572 M3/năm, với giá trị 130.725.000 đồng ; Công ty được TKV giao Công ty TNHH Môi trường – TKV đầu tư đặt 01 trạm xử lý nước thải thu gom nước bề mặt tại công ty. Nên công tác xử lý nước thải công ty thực hiện tốt.

7. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường :

- a. Số lần bị xử phạt do vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không
- b. Tổng số tiền phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường : Không

8. Chính sách liên quan người lao động :

- a. Lao động có mặt đến 31/12/2018 là 330 người ; lao động bình quân trong kỳ : 394 người ; mức lương bình quân 9.485.000 đồng/ người/ tháng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động :

- Chế độ làm việc :

+ Thời gian làm việc 8h/ ngày; 6/ ngày / tuần ; nghỉ trưa 60 phút

+ Nghỉ lễ, phép, tết, ốm đau, thai sản : Theo quy định của Pháp Luật

+ Điều kiện làm việc : CBCNV được trang bị bảo hộ lao động theo từng đặc thù ngành nghề làm việc và trang bị dụng cụ đầy đủ ; nhà xưởng sạch sẽ ; nước uống theo mùa đầy đủ ; các vật tư nặng có cầu trục nâng trong quá trình làm việc ; Công nhân đến công ty làm việc mặc quần áo sạch sẽ và thay bảo hộ lao động sau giờ làm việc xong quần áo được giặt giữ quần áo miễn phí .

- **Chính sách lương và phúc lợi :**

+ Chính sách lương và thưởng: Công ty căn cứ quy chế lương của cấp trên và các quy định của Nhà Nước ban hành quy chế tiền lương đối công ty ; Công ty trả lương theo vị trí việc làm; vị trí công việc làm, để khuyến khích lương nhưng cá nhân có trình độ, nghiệp vụ và tay nghề giỏi.

+ Bảo hiểm xã hội, phúc lợi: Công ty trích nộp bảo hiểm XH, BHYT.. tuân thủ đúng quy định ; không để nợ đọng bảo hiểm và công khai hàng tháng đến người lao động của công ty.

+ Chính sách người lao động: Công ty luôn xác định nhân tố con người là quan trọng nhất quyết định sự phát triển của công ty; Do vậy công ty triển khai: Đối gián tiếp mỗi vị trí làm việc và công việc thực hiện trả lương đối từng cá nhân một mức lương khác nhau ; Đối công nhân sản xuất trực tiếp công ty tổ chức bình xét chất lượng mỗi công nhân một hệ số cụ thể để trả lương theo vị trí và trình độ thực tế ;

Hàng năm công ty liên kết các trường cử đi học tập, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ ; công tác tuyên dụng được thực hiện công khai, minh bạch ; tạo môi trường làm việc để mọi công nhân cán bộ phát huy năng lực bản thân và đóng góp sự phát triển công ty

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với địa phương đối công động:

Công ty tham gia các cụm an toàn địa bàn trên nơi công ty đặt trụ sở ; phối hợp 02 đơn vị bộ đội và cơ quan quản lý Nhà nước phối hợp công tác Bảo vệ an ninh trật tự, an toàn doanh nghiệp; hàng năm đóng góp đầy đủ các quỹ theo quy định của pháp luật: Quỹ phòng chống thiên tai (TP Cẩm Phả); công ty chăm sóc 01 cá nhân bộ đội chất độc màu da cam; định kỳ thăm hỏi các tổ chức hội tàn tật, hội người mù, trung tâm bảo trợ trẻ em tỉnh Quảng Ninh

III. Báo cáo đánh giá ban giám đốc :

1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018

+ Tổng doanh thu đạt: 348,634 tỷ đồng, (Bằng 122% KH được giao đầu năm 2018 và bằng 113,9% so với KH điều chỉnh);

+ Hoàn thành các chỉ tiêu được giao.

+ Lợi nhuận trước thuế đạt: 5,393/4,850 tỷ đồng, bằng 111 % kế hoạch được giao và bằng 107 % so với cùng kỳ năm 2017.

- Cổ tức 8% KH (trình ĐHCĐ thường niên 10%)

2/ Tình hình tài chính

a/ Tình hình tài chính:

Báo cáo tài chính năm 2018 đã được kiểm toán theo qui định của Pháp luật. Công ty đã đăng tải Báo cáo Tài chính năm 2018 đã được kiểm toán trên trang Website của Công ty (vmicauto.vn). Công ty gửi Báo cáo tài chính đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ; Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đúng kỳ hạn.

Phần thứ nhất:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu năm (01/1/2018) |
|---|------------|----------------------------|---------------------------|
| A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150) | 100 | 118 195 995 680 | 119 483 063 955 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 1 789 699 283 | 1 233 386 041 |
| 1. Tiền | 111 | 1 789 699 283 | 1 233 386 041 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | 0 | 0 |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | 0 | 0 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | 0 | 0 |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán KD (*) | 122 | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 0 | 0 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | 104 442 040 736 | 102 045 498 336 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 103 884 879 060 | 101 934 705 362 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 528 829 900 | 53 740 000 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | 0 | 0 |
| 4. Phải thu tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | 0 | 0 |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 493 665 326 | 522 386 524 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*) | 137 | -465 333 550 | -465 333 550 |
| 8. tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | 0 | 0 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 917 351 377 | 15 305 747 107 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | 11 917 351 377 | 15 560 893 100 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*) | 149 | 0 | -255 145 993 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 46 904 284 | 898 432 471 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 8 643 996 | 898 432 471 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | 0 | 0 |
| 3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 153 | 38 260 288 | 0 |
| 4. Giao dịch mua bán trái phiếu Chính phủ | 154 | 0 | 0 |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | 0 | 0 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260) | 200 | 31 663 500 685 | 20 816 881 084 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 0 | 0 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | 0 | 0 |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | 0 | 0 |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | 0 | 0 |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | 0 | 0 |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | 0 | 0 |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | 0 | 0 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*) | 219 | 0 | 0 |
| II. Tài sản cố định | 220 | 31 276 621 327 | 20 077 395 944 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 31 276 621 327 | 20 047 395 936 |
| - Nguyên giá | 222 | 118 479 497 144 | 103 432 456 222 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 223 | -87 202 875 817 | -83 385 060 286 |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 225 | 0 | 0 |

| TÀI SẢN | Mã số | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu năm (01/1/2018) |
|--|--------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 226 | 0 | 0 |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 0 | 30 000 008 |
| - Nguyên giá | 228 | 371 520 000 | 371 520 000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 229 | -371 520 000 | -341 519 992 |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | 0 | 0 |
| - Nguyên giá | 231 | 0 | 0 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế (*) | 232 | 0 | 0 |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | 76 801 800 | 739 485 140 |
| 1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | 0 | 0 |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 76 801 800 | 739 485 140 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | 0 | 0 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | 0 | 0 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | 0 | 0 |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 0 | 0 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*) | 254 | | |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | 0 | 0 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | 310 077 558 | 0 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 310 077 558 | 0 |
| 2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại | 262 | 0 | 0 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | 0 | 0 |
| Tổng cộng tài sản (270 = 100+200) | 270 | 149 859 496 365 | 140 299 945 039 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu năm (01/1/2018) |
|--|--------------|------------------------------------|-----------------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330) | 300 | 111 179 904 837 | 104 697 807 059 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | 109 169 726 419 | 103 213 917 059 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 80 382 158 986 | 78 308 598 599 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | 135 753 737 | 0 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | 274 406 177 | 2 348 023 844 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | 18 346 248 146 | 15 334 231 060 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 67 260 423 | 0 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | 0 | 0 |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD | 317 | | 0 |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | 0 | 0 |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 64 969 250 | 208 434 476 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | 0 | 0 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | 7 025 937 919 | 5 130 907 472 |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 2 872 991 781 | 1 883 721 608 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | 0 |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ | 324 | 0 | 0 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | 2 010 178 418 | 1 483 890 000 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | 0 | 0 |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | 0 | 0 |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | 0 | 0 |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | 0 | 0 |

| NGUỒN VỐN | Mã số | Số cuối kỳ (31/12/2018) | Số đầu năm (01/1/2018) |
|--|------------|----------------------------|---------------------------|
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | 0 | 0 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | 0 | 0 |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | 0 | 0 |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | 0 | 0 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | 0 | 0 |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | 0 | 0 |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | 0 | 0 |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 0 | 0 |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | 2 010 178 418 | 1 483 890 000 |
| B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430) | 400 | 38 679 591 528 | 35 602 137 980 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 34 657 591 528 | 33 865 087 466 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 27 000 000 000 | 27 000 000 000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | 27 000 000 000 | 27 000 000 000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | 0 | 0 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 0 | 0 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | 0 | 0 |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 733 418 350 | 733 418 350 |
| 5. Cổ phiếu quỹ (*) | 415 | 0 | 0 |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | 0 | 0 |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | 0 |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 2 659 026 481 | 2 096 465 352 |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | 0 |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 4 265 146 697 | 4 035 203 764 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | 0 | 4 035 203 764 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | 4 265 146 697 | 0 |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | 0 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 4 022 000 000 | 1 737 050 514 |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | 4 022 000 000 | 1 737 050 514 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 432 | 0 | 0 |
| Tổng cộng nguồn vốn (430 = 300+400) | 440 | 149 859 496 365 | 140 299 945 039 |

Phần thứ hai:

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2018

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|---|-------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 348 256 632 884 | 302 857 709 822 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 0 | 0 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02) | 10 | 348 256 632 884 | 302 857 709 822 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 318 543 913 813 | 278 133 485 218 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11) | 20 | 29 712 719 071 | 24 724 224 604 |

| | | | |
|--|-----------|----------------------|----------------------|
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 7 388 206 | 7 711 582 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 410 049 832 | 655 265 182 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | 410 049 832 | 655 265 182 |
| 8. Chi phí bán hàng | 25 | 3 809 688 419 | -1 040 102 941 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 20 349 059 252 | 20 156 912 055 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25)) | 30 | 5 151 309 774 | 4 959 861 890 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 370 229 654 | 267 908 772 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 128 684 180 | 183 765 957 |
| 13. Lợi nhuận khác (40=31-32) | 40 | 241 545 474 | 84 142 815 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40) | 50 | 5 392 855 248 | 5 044 004 705 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 1 127 708 551 | 1 008 800 941 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 0 | 0 |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52) | 60 | 4 265 146 697 | 4 035 203 764 |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | 1 580 | 1 495 |
| 19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*) | 71 | | |

III/ Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018

Năm 2018 hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty tiếp tục có nhiều đổi mới, được sự hỗ trợ của Tập đoàn, sự cố gắng nỗ lực đoàn kết của tập thể CBCNV, Công ty đã thực hiện được các mục tiêu lớn đề ra; cụ thể:

- Sản xuất đảm bảo an toàn; Việc làm cho người lao động ổn được định; Tiền lương, thu nhập cho người lao động đảm bảo đạt và vượt mức kế hoạch được giao.

- Quản trị kinh doanh của Công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động ngày càng đi vào nề nếp. Chất lượng sản phẩm ổn định hơn, được khách hàng tin cậy hơn.

*. Kết quả thực hiện việc giám sát bảo toàn vốn và phát triển vốn.

- Một số chỉ tiêu đánh giá trên cơ sở báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

| TT | CHỈ TIÊU | Năm trước (31/12/2017) (tr.đồng) | Năm nay (31/12/2018) (Tr.đồng) | Tăng giảm | | Năm nay (31/12/2018) (tỷ lệ %, lần) |
|-----|--|--|--------------------------------------|-----------|---------|---|
| | | | | Số tiền | Tỷ lệ % | |
| A | B | 1 | 2 | 3 = 2 - 1 | 4 = 3/1 | 5 |
| 1 | Khả năng thanh toán | | | | | |
| 1.1 | Hệ số thanh toán hiện hành (TTS/TNPT)(lần) | 140.300 | 149.859 | 9.559 | 6,81 | 1,35 |
| | | 104.698 | 111.180 | 6.482 | 6,19 | |
| 1.2 | Hệ số thanh toán nợ đến hạn (TSNH/NNH)(lần) | 119.483 | 118.196 | -1.287 | -1,08 | 1,08 |
| | | 103.214 | 109.170 | 5.956 | 5,77 | |
| 2 | Cơ cấu nguồn vốn | | | | | |
| 2.1 | Hệ số nợ phải trả/Vốn CSH (lần) | 101.330 | 106.297 | 4.967 | 4,90 | 3,07 |
| | | 33.865 | 34.657 | 792 | 2,34 | |
| 3 | Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản | | | | | |
| 3.1 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn (TSNH/TTS)(%) | 119.483 | 118.196 | -1.287 | -1,08 | 78,87 |
| | | 140.300 | 149.859 | 9.559 | 6,81 | |
| 3.2 | Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn (TSDH/TTS)(%) | 20.817 | 31.663 | 10.846 | 52,10 | 21,13 |
| | | 140.300 | 149.859 | 9.559 | 6,81 | |

| | | | | | | |
|-----|--|---------|---------|-------|------|-------|
| 4 | Hệ số về khả năng sinh lời | | | | | |
| 4.1 | Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)(%) | 4.035 | 4.265 | 230 | 5,70 | 2,85 |
| | | 140.300 | 149.859 | 9.559 | 6,81 | |
| 4.2 | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)(%) | 4.035 | 4.265 | 230 | 5,70 | 14,10 |
| | | 29.971 | 30.252 | 281 | 0,94 | |

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Quản trị kinh doanh của công ty đã có nhiều cải tiến, các hoạt động quản lý ngày càng có tiến bộ, hoạt động có nề nếp, chất lượng sản phẩm ổn định hơn.

+ Năm 2018 so năm 2017 Công ty sắp xếp giảm 01 phòng (6 phòng còn 05 phòng) Sắp xếp tinh giảm bộ máy, có kế hoạch thu hút nhân tài, công nhân kỹ thuật để phát triển Doanh nghiệp;

+ Trong năm hiệu chỉnh, bổ sung ban hành 08 quy chế quản lý, điều hành hoạt động SXKD của Công ty.

+ Rà soát ban hành các định mức vật tư, kinh tế kỹ thuật và tăng cường kiểm tra kiểm soát, xiết chặt công tác tổ chức, công tác điều hành quản lý chung và công tác điều hành quản lý trực tiếp tại phân xưởng và các phòng ban nghiệp vụ.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Đầu tư đổi mới áp dụng Khoa học công nghệ hiện tại tiên tiến vào SXKD của Công ty
- Đầu tư đổi mới theo chiều sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm : Đầu tư các máy CNC, các máy gia công cắt gọt, chế tạo cơ khí; sắp xếp đổi mới lại dây chuyền công nghệ ;

- Có chính sách thu hút lao động có trình độ kỹ thuật nghiệp vụ chất lượng cao, công nhân tay nghề giỏi, kỹ sư trẻ

- Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc biệt phục vụ khai thác mỏ Hàm lò.

- Phối hợp các Viên nghiên cứu lựa chọn hiệu quả, đầu tư đổi mới công nghệ phát triển thêm sản phẩm mới. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực để ổn định sản xuất lâu dài của Công ty. Thường xuyên rà soát kiểm tra các hoạt động quản lý.

- Xây dựng thương hiệu uy tín của công ty theo ngành nghề đã được cấp phép kinh doanh, tập trung làm thật tốt các sản phẩm là thế mạnh của công ty, phát triển các sản phẩm mới.

- Xây dựng các sản phẩm Công ty chế tạo theo các tiêu chuẩn Quốc tế

3. Kiểm toán độc lập.

- Đơn vị kiểm toán độc lập.

+ Tên công ty kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam

+ Trụ sở chính: tầng 10 và 12 – Tòa nhà Hapulico – Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân , Thành Phố Hà Nội – Việt Nam

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi : Các cổ đông, Hội đồng quản trị và ban giám đốc
Công ty cổ phần công nghiệp Ô tô – Vinacomin

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin được lập ngày 06 tháng 03 năm 2019 bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo

lưu chuyên tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 40 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ô tô - Vinacomin, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam

IV Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của công ty.

1. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động công ty :

Hoạt động của HĐQT công ty cổ phần công nghiệp Ô tô - Vinacomin đã tuân thủ đúng pháp luật, điều lệ của Công ty khi thực hiện nhiệm vụ của mình. Các nghị quyết của HĐQT đã ban hành kịp thời, giúp cho việc quản lý, chỉ đạo, điều hành SXKD của Công ty năm 2017 đạt kết quả.

Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý trong công ty có nhiều biện pháp trong chỉ đạo, điều hành, khuyến khích động viên tập thể người lao động nỗ lực để hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao; Ban Giám đốc và cán bộ quản lý khác công ty vẫn cố gắng tập trung cao độ chỉ đạo thực hiện hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Đánh giá hoạt động HĐQT về hoạt động ban giám đốc :

Trong năm HĐQT họp 05 phiên (01 phiên họp thứ 6 do cổ đông Kamaz ở xa công ty dự kiến họp tháng 12/2019 nhưng chuyển sang 03/01/2019); Ban điều hành đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ và quyền hạn của mình trong việc điều hành công ty theo Điều lệ Công ty quy định. Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty có nhiều nỗ lực, đưa nhiều biện pháp để hoàn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã giao. Năm 2018 có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh công ty nhất là Quý I và đầu quý II/2019 nhưng Quý III và Quý IV Công ty bứt phá hoàn thành vượt mức toàn diện các chỉ tiêu SXKD Công ty năm 2018

Giám đốc điều hành và ban lãnh đạo công ty đã chủ động làm việc với từng đơn vị trong kế hoạch phối hợp của Tập đoàn 2018, rà soát lại kế hoạch, cân đối công việc, chủ động nhân công việc mới tại các nhà máy nhiệt điện, phát triển thêm sản phẩm phục vụ cho khai thác Hàm lò, nghiên cứu chế tạo phát triển sản phẩm mới, thành lập đội đi sửa chữa thiết bị ngoài công ty; từng bước tạo nền móng phát triển công việc cho các năm sau. Giám đốc điều hành đã nghiêm túc triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT, một cách khẩn trương và nghiêm túc, kịp thời khắc phục khó khăn, đề ra nhiều biện pháp quản lý có hiệu quả trong quá trình điều hành sản xuất. Chấp hành tốt các quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các chế độ báo cáo. Chỉ đạo điều hành đảm bảo an toàn vốn, tài sản, an toàn trong sản xuất, an ninh doanh nghiệp, đồng thời báo cáo kịp thời các biến động trong quá trình kinh doanh trình HĐQT.

Thực hiện nghị quyết 102 của Tập đoàn, đến 01/6/2018 Công ty đã sắp xếp xong đúng mô hình định biên của Tập đoàn đối công ty là còn 05 Phòng và 05 phân xưởng, 01 chi nhánh, bộ máy quản lý tinh gọn hơn, bên cạnh đó rà soát lại các định mức tiêu hao vật tư, nhiên liệu, vật liệu phụ, các chi phí, ban hành các quy định trong quản lý. Cán bộ quản lý của công ty được HĐQT bổ nhiệm, phân cấp cho Giám đốc công ty phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng người. Các cán bộ quản lý đã chấp hành nghiêm túc nhiệm vụ giám đốc giao, chỉ đạo các phòng ban, phân xưởng thực hiện nhiệm vụ Sản xuất kinh doanh, đảm bảo yêu cầu đề ra. Trong năm qua các cán bộ quản lý đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Kế hoạch định hướng của HĐQT Công ty năm 2019

Trên cơ sở kết quả SXKD năm 2018, để đáp ứng tình hình hoạt động, phù hợp với yêu cầu thực tế, HĐQT Công ty xây dựng phương hướng nhiệm vụ và một số giải pháp chỉ đạo Ban điều hành trong năm 2019 như sau:

1. Tăng cường chỉ đạo, giám sát, kiểm tra đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị trong qua trình SXKD; Kiện toàn lực lượng làm công tác an toàn. Rà soát hiệu chỉnh lại các hồ sơ, các tài liệu, quy trình, quy định về công tác an toàn lao động; Huấn luyện đào tạo công tác an toàn theo quy định hiện hành.

2. Tiếp tục rà, sắp xếp soát hoàn thiện cơ cấu tổ chức sản xuất, cơ cấu lao động tinh gọn cho phù hợp với tình hình thực tế sản xuất từng giai đoạn. Có kế hoạch tuyển dụng bổ sung đội ngũ lao động gồm kỹ sư, công nhân kỹ thuật có chất lượng cao các nghề: Tiện, phay, bào, xọc, máy gia công CNC...; Thợ sửa chữa thiết bị khai thác, sửa chữa ô tô mô; Ưu tiên tuyển dụng công nhân kỹ thuật, kỹ sư trẻ mới ra trường.

3. Tăng cường hợp tác, liên kết với các trường, viện nghiên cứu để nâng cao năng lực sản xuất. Hợp tác, liên doanh với các tổ chức trong và ngoài nước để phát triển sản phẩm mới nhằm mở rộng thị trường, tạo điều kiện thuận lợi, ổn định SXKD cho Công ty khi trước mắt và lâu dài.

4. Rà soát các văn bản, quy chế, quy định, chỉ thị, hướng dẫn mới của Nhà nước, của Tập đoàn TKV kịp thời sửa đổi và bổ sung ban hành các quy chế, quy định quản lý theo đúng quy định, phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Bám sát kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Từng tháng , quý tập trung chỉ đạo điều hành sản xuất.

6. Thực hiện công tác quản trị SXKD phù hợp với thị trường, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019. Hoạt động SXKD đảm bảo hiệu quả, đạt lợi nhuận theo kế hoạch và bảo toàn vốn cho các cổ đông.

7. Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty, nhu cầu của thị trường, tiếp tục xem xét các hạng mục đầu tư máy móc, thiết bị, đổi mới công nghệ. Mục tiêu chỉ đầu tư những thiết bị thật cần thiết, chắc chắn mang lại hiệu quả khi đầu tư để triển khai phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty. Sử dụng nguồn vốn có hiệu quả. Trước mắt tập trung đầu tư các mục đã được HĐQT thông qua và được Tập đoàn TKV phê duyệt.

8. Thực hiện tốt công tác Công tác quân sự quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự doanh nghiệp, bảo vệ tài sản Công ty. Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người và thiết bị; Không để xảy ra sự cố cháy nổ, TNLĐ nghiêm trọng.

9. Phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, các tổ chức chính trị tạo sự đồng thuận, đoàn kết thống nhất nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp vì sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

V/ Quản trị Công ty

1/ Hội đồng Quản trị

1. Ông Phạm Xuân Phi : Chủ tịch HĐQT - Giám đốc điều hành

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : Sở hữu cá nhân: 13.334 cổ phần = 0,49%

Đại diện sở hữu phần vốn Nhà nước: 972.227 cổ phần.

2. Ông Hà Minh Thanh: Ủy viên HĐQT – Phó giám đốc, CTCD Công ty.

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 1.061 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT .

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

4. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn hãng Kamaz: 1.016.300 cổ phần = 37,64%

5. Ông Trần Văn Trung: Ủy viên HĐQT - Công ty CP Tân đại tây dương (AIT)

Số cổ phần đang nắm giữ:

Trong đó :

- Sở hữu cá nhân: 386.434 cổ phần = 14,31%

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 cổ phần.

* Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

1. Ông Nguyễn Anh Tuấn : Ủy viên HĐQT

2. Ông Zakharicov Andrey Alexandrovitch : Ủy viên HĐQT

* Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội, Hội đồng quản trị đã họp triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết thường kỳ trong năm trên cơ sở cụ thể hoá nhiệm vụ năm kế hoạch. Ban hành 05 Nghị quyết, ra các quyết định phục vụ sản xuất của công ty.

+ HĐQT hàng quý giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch năm cho Ban Giám đốc, củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng, phân xưởng.

+ Đình kỳ hàng quý họp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

2/ Ban Kiểm soát

1. Bà: **Bùi Thị Lan:** Trưởng ban kiểm soát.

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 82 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: (TKV giới thiệu đại diện)

2. Ông **Trần Thiết Hùng:** Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: 91.355 cổ phần

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không

3. Ông **Hồ Anh Tuấn:** Ủy viên Ban kiểm soát

+ Số cổ phần đang nắm giữ:

+ Trong đó : - Sở hữu cá nhân: không

- Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: Không (Đại diện Cty CP Ngoại thương Kamaz)

*/ Hoạt động của BKS.

1/ Ban kiểm soát

| TT | Thành viên Ban kiểm soát | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Số buổi họp |
|----|--------------------------|------------|--------------------------|-------------|
| 2 | Bùi Thị Lan | Trưởng ban | 1.254 | 06/06 |
| 3 | Trần Thiết Hùng | Ủy viên | 91.355 | 06/06 |
| 4 | Hồ anh Tuấn | Ủy viên | 0 | 06/06 |

Hoạt động của ban kiểm soát:

Năm 2018, Ban kiểm soát đã thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn về Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban lãnh đạo điều hành trong công việc quản lý và điều hành Công ty:

- Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm soát năm và trình Chủ tịch HĐQT thông qua, phân công nhiệm vụ cho các thành viên của BKS, để làm cơ sở cho việc kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong việc kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ, góp phần tăng cường công tác giám sát, phát hiện vi phạm, cảnh báo, kiến nghị xử lý và phòng ngừa rủi ro.

- Trong năm Ban kiểm soát họp 06 phiên 100%(3/3) thành viên tham dự ghi biên bản họp theo quy định.

- Năm 2018, BKS đã triển khai và tổ chức thực hiện các hoạt động sau:

+ Thường xuyên giám hoạt động của Hội đồng quản trị về việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các Quy chế, Quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty do Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty ban hành.

+ Đình kỳ thẩm định báo cáo tài chính từng quý và năm 2018 ; kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính.

+ Đề xuất Đại hội cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính.

+ Rà soát các quy chế.

+ Thực hiện kiểm tra giám sát theo các chuyên đề: Chuyên đề về chứng từ thu, chi tiền mặt và chứng từ ngân hàng; Chuyên đề mua sắm tài sản; Chuyên đề kiểm tra chia lương của các phân xưởng: 02 phân xưởng và 01 đội công trình; Chuyên đề hồ sơ mua sắm vật tư.

Trên cơ sở kết quả kiểm soát các hoạt động nêu trên BKS thấy: Công ty điều hành hoạt động kinh doanh tuân thủ theo đúng pháp luật, không có sai sót trọng yếu.

Thông qua việc giám sát, Ban kiểm soát có các ý kiến đề xuất, kiến nghị, cảnh báo góp phần giúp Công ty có chỉ đạo kịp thời trong quản lý, điều hành hoạt động, đảm bảo đạt hiệu quả và hạn chế rủi ro. Đánh giá chung năm 2018 Ban kiểm soát đã hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2018 BKS đã thực hiện tốt chức năng của mình, như: giám sát Hội đồng Quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và hàng quý của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c/ Thu lao BKS

Căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công nghiệp ô tô - Vinacomin ngày 24/4/2018, Công ty đã chi trả thù lao cho các thành viên BKS chuyên trách và kiêm nhiệm năm 2018 như sau:

- Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Tiền lương 20.700.000 đồng/tháng.
- Ủy viên Ban kiểm soát mức phụ cấp trách nhiệm kiêm nhiệm: 20.700.000 đồng/tháng x 20% = 4.140.000 đồng/tháng.

- Thù lao trả phụ cấp cho từng thành viên ban kiểm soát do Đại hội đồng quyết định hàng năm và số tiền chi trả tiền lương, thù lao cho các thành viên ban kiểm soát: 99.360.000; Lương chuyên trách Trưởng ban kiểm soát: 248.400.000 đồng; tiền lương và thù lao đều được công bố trước Đại hội đồng cổ đông hàng năm. Ngoài ra theo quy định của pháp luật Việt Nam tiền lương theo quy định trên, Trưởng Ban kiểm soát được hưởng thêm phần tiền lương theo đánh giá xếp loại hoàn thành nhiệm vụ của Công ty và viên chức quản lý năm 2018 có Quyết định đánh giá và phê chuẩn của Tập đoàn TKV và khoản tiền tại quỹ thưởng ban quản lý điều hành khi ĐHCĐ năm 2019 thông qua phân phối lợi nhuận năm 2018.

3. Các dữ liệu thống kê về cổ đông/thành viên góp vốn

2.1. Cổ đông/thành viên góp vốn Nhà nước

- Cổ đông góp vốn Nhà nước:

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam: 36.01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

2.2 Cổ đông sáng lập:

a/ Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt nam:

Số cổ phần: 972 227 = 36,01%

Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 5700100256 cấp ngày 19/2/1994

Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Nguyễn Chiến Thắng

b/ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga

c/ Cổ đông cá nhân

Ông Mai Huy Quỳnh:

Số cổ phần: 1 340 = 0.05%

Số CMND: 013345445 cấp ngày 11/9/2010 do Công an TP Hà Nội cấp

Trú quán: Phú diễn – Từ Liêm - TP Hà Nội.

2.3 Cổ đông vốn góp nước ngoài

+ Công ty cổ phần kín “Công ty ngoại thương Kamaz”:

Số cổ phần: 1 016 300 = 37,64%

Giấy chứng nhận ĐKKD: số 1021602027622

Địa chỉ: Số 4, Rubanenco, TP Nabereznui, Tatarstan, Liên bang Nga
Người đại diện quản lý phần vốn: Ông Tsyganov vasily Vitalievich

Trên đây là Báo cáo thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Công Nghiệp Ô tô - Vinacomin xin được trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cùng toàn thể quý vị cổ đông Công ty.

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Các cổ đông Công ty;
- Lưu VP, HĐQT,
- Đăng trên Website Công ty (<http://vmicauto.vn>).



Phạm Xuân Phi